

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÀ TRUNG
TỈNH THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 29/2018/HNGĐ-ST

Ngày 25/10/2018

V/v: Ly hôn.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÀ TRUNG - TỈNH THANH HOÁ**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Ngọc Tuấn

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Trần Ngọc Châu

2/ Ông Lê Văn Ký

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Nguyễn Xuân Dân - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hà Trung.

Ngày 25 tháng 10 năm 2018, tại Hội trường Toà án nhân dân huyện Hà Trung, tỉnh Thanh Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ L số: 119/2018/TLST - HNGĐ ngày 20 tháng 8 năm 2018 về tranh chấp: Ly hôn. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2018/QĐXX - ST ngày 14 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L - Sinh năm: 1989

Địa chỉ: Thôn Tr, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Bị đơn: Anh Lê Văn Th - Sinh năm: 1987

Địa chỉ: Thôn S, xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Tại phiên tòa vắng mặt chị L và anh Th (Chị L có đơn xin vắng mặt, anh Th vắng mặt không lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 01/6/2018 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn chị Bùi Thị L trình bày:

- *Về hôn nhân:* Chị và anh Lê Văn Th kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có tìm hiểu tổ chức cưới và được Ủy ban nhân dân xã H, huyện H, tỉnh Thanh Hóa cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 14/01/2009. Sau khi cưới, vợ chồng sống không

hạnh phúc thường xuyên cãi cọ nhau và còn hay xảy ra xô sát, nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và không có con chung. Từ năm 2011 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị xin được ly hôn với anh Th.

- *Về con chung*: Vợ chồng không có con chung và chị không đề nghị Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản*: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án nhân dân huyện Hà Trung đã triệu tập anh Th và đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án và các văn bản tố tụng liên quan theo đúng quy định đối với anh Lê Văn Th (bổ để anh Th là ông Lê Văn L nhận hộ và cam kết sẽ giao lại văn bản tố tụng cho anh Th) nhưng anh không đến làm việc nên không có lời khai thể hiện nguyện vọng của anh Th.

Tại phiên tòa hôm nay anh Th tiếp tục vắng mặt; chị Bùi Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt và vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn là chị Bùi Thị L và bị đơn là anh Lê Văn Th vắng mặt tại phiên tòa, nhưng chị L có đơn xin xét xử vắng mặt; anh Th vắng mặt không lý do và phiên tòa cũng được hoãn. Do vậy căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238 BLTTDS xét xử vắng mặt chị L và anh Th.

[2] Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Lê Văn Th kết hôn năm 2009 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn là hôn nhân hợp pháp. Theo chị L vợ chồng sau khi kết hôn đã phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do bất đồng quan điểm sống và từ năm 2011 cho đến nay vợ chồng sống ly thân không quan tâm đến nhau.

Đối với anh Th không có mặt tại Tòa án để làm việc, đây thể hiện anh không quan tâm và không còn tình cảm với chị L.

Xét thấy, chị L thực sự không còn tình cảm với anh Th, trong suốt quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã giao văn bản tố tụng cho anh Th nhưng anh không chấp hành theo yêu cầu của Tòa án, khi Tòa án mở phiên tòa anh cũng không có mặt. Đến nay chị L vẫn tha thiết xin ly hôn, với L do vợ chồng mâu thuẫn trầm trọng, không thể hàn gắn được và vợ chồng đã sống ly thân từ lâu.

Theo quy định của pháp luật hôn nhân và gia đình thì vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chung xây dựng cuộc sống, hạnh phúc gia đình, nhưng ở đây chị L đã thực sự không còn tình cảm với anh Th. Do đó nếu buộc anh chị về đoàn tụ thì cuộc sống vợ chồng cũng khó cải thiện được. Do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị và căn cứ Điều 56 Luật HN&GD xử cho chị L được ly hôn anh Th là phù hợp.

[2] Về con: Vợ chồng không có con chung. Nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về tài sản: Chị L không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về án phí: Chị Bùi Thị L là nguyên đơn trong vụ án nên buộc chị L phải chịu án phí dân sự hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1, 3 Điều 228 và Điều 238, khoản 4 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí Tòa án.

1. Về hôn nhân:

Cho ly hôn giữa chị Bùi Thị L và anh Lê Văn Th.

2. Về nuôi con chung: Vợ chồng không có con chung.

3. Về chia tài sản: Chị L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị đã nộp 300.000đ theo biên lai thu tiền số 0000317 ngày 15/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Hà Trung. Chị L đã nộp đủ.

Trường hợp bản án được thi hành tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6; 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu Thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh Th có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Hà Bắc (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Ngọc Tuấn

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND huyện Hà Trung;
- Thi hành án dân sự;
- UBND xã Hà Bắc (Ghi sổ hộ tịch)
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Ngọc Tuấn

